

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
Số: 1842/TB-BVĐHYHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc yêu cầu báo giá hàng hoá, dịch vụ phục vụ công tác
khám chữa bệnh của Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đại học Y Hà Nội có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm các mặt hàng chi tiết như Phụ lục 3 kèm theo.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đại học Y Hà Nội
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Ngô Thị Thùy Linh, Chuyên viên Phòng Vật tư thiết bị- Quản trị, Phòng 511, tòa nhà A2, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. SĐT: 0963.009.558. Email: Ngoothuylinh030293@gmail.com.

- Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư thiết bị - Quản trị, Phòng 511, tòa nhà A2, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 26 tháng 7 năm 2024 đến trước 17h00 ngày 08 tháng 8 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hoá: Chi tiết trong Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các trang thiết bị y tế tại Phụ lục 03 kèm theo.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản trang thiết bị y tế:

- Giao hàng hóa tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, mọi chi phí vận chuyển do nhà cung cấp chịu.

- Hàng hóa trong quá trình vận chuyển phải thực hiện theo quy định của nhà sản xuất.

- Địa điểm nhận hàng: Tầng 5 nhà A2 - Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo đặt hàng của Bệnh viện.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Giá trị thanh toán: bằng số lượng thực tế nhà thầu đã thực hiện nhân với đơn giá cố định trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng (nếu có).

- Phương thức thanh toán: chuyển khoản trong vòng 90 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng xuất hóa đơn sau khi Bên A nhận được hóa đơn chứng từ hợp lệ, hợp pháp.

5. Thời gian thực hiện hợp đồng: 36 tháng kể từ ngày ký

6. Các thông tin khác (nếu có).

- Kính đề nghị các công ty, các nhà cung cấp nghiên cứu kỹ các yêu cầu và làm theo hướng dẫn đã nêu tại các Phụ lục đính kèm thông báo này.

- Lưu ý: Để đánh giá đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa do công ty chào giá so với yêu cầu của Bệnh viện, đề nghị Công ty thực hiện đầy đủ các yêu cầu nêu tại các phụ lục đính kèm thông báo. Các báo giá không cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu tại phụ lục của thông báo thì Bệnh viện sẽ không có đủ căn cứ để tổng hợp, xem xét.

- Được chào giá 1 hoặc nhiều mục hàng trong danh mục mời chào giá theo khả năng cung cấp của công ty.

- Đề nghị các công ty thực hiện lấy (các) file mẫu, thực hiện lập báo giá qua hệ thống hỗ trợ tại địa chỉ:

<https://script.google.com/macros/s/AKfycbxyzGA5zjYrFknvmWOXNEKMYVoa3V5xFXaJOfU4iKSxZ5-xvp31zHI7gruNUQF8i-sNdA/exec> hoặc quét mã QR phía dưới để truy cập.

Tài khoản truy cập guest@123 mật khẩu 121212.

Trân trọng cảm ơn./.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VTTB-QT.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Bình



PHỤ LỤC 01

Các yêu cầu chung về lập báo giá

(Kèm theo Thông báo số 1842/TB-BVĐHYYHN ngày 25 tháng 4 năm 2024)

ST	T	Thông tin	Chỉ tiêu	Đánh giá đáp ứng kỹ thuật của Báo giá
		Công ty phải lập bảng đáp ứng tính năng chi tiết của hàng hóa do Công ty chào so với yêu cầu của Bệnh viện	Có bảng đáp ứng với đầy đủ thông tin yêu cầu	Đáp ứng
		nghĩa Mẫu 1 tại Phụ lục 02	Không có bảng đáp ứng hoặc bảng đáp ứng không có đầy đủ thông tin	Không đáp ứng

- Bệnh viện đánh giá mức độ đáp ứng kỹ thuật của hàng hóa công ty chào dựa trên cơ sở Bảng kê khai thông số kỹ thuật - do công ty tự kê khai -- tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung do công ty tự kê khai. Trường hợp cần thiết Bệnh viện sẽ yêu cầu làm rõ, công ty phải cung cấp tài liệu để chứng minh.

- Yêu cầu kỹ thuật nêu trong Phụ lục 03 là các thông số yêu cầu tham khảo cơ bản để Bệnh viện xây dựng dự toán mua sắm. Công ty có thể chào loại hàng hóa tương đương hoặc tốt hơn.

- Trường hợp hàng hóa công ty chào không đáp ứng đủ các thông số yêu cầu, Bệnh viện đề nghị công ty vẫn thực hiện chào giá và ghi chú rõ các tiêu chí không đáp ứng. Bệnh viện sẽ xem xét tổng thể các yếu tố tiêu chí kỹ thuật, giá chào của công ty. Nếu (các) yếu tố không đáp ứng không ảnh hưởng đến tính năng, công dụng của hàng hóa, Bệnh viện sẽ chấp thuận báo giá của công ty và điều chỉnh tiêu chí kỹ thuật yêu cầu tương ứng để phù hợp với thực tế hàng hóa trên thị trường nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu chuyên môn và hiệu quả điều trị cho bệnh nhân.

- Để đảm bảo tính đồng bộ, đề nghị công ty chào giá đầy đủ các danh mục hàng hóa trong 1 phần.

- Công ty cung cấp kèm theo Báo giá (các) kết quả trưng thầu gần nhất trong vòng 360 ngày (nếu có) của (các) trang trang thiết bị y tế tương tự đã chào giá cho Bệnh viện.

- Trường hợp công ty có nhiều thiết bị, nhiều model cùng đáp ứng với nhiều mức giá khác nhau thì công ty làm cho mỗi thiết bị, mỗi model một bảng đáp ứng kỹ thuật, báo giá mỗi model riêng biệt.

PHỤ LỤC 02

Mẫu 1: Bảng đáp ứng kỹ thuật

(Kèm theo Thông báo số 1842/TB-BVĐHYIIN ngày 25 tháng 7 năm 2024)

BẢNG ĐÁP ỨNG KỸ THUẬT HÀNG HÓA CHÀO GIÁ

Yêu cầu mời chào giá (Chi tiết tại Phụ lục 03)					Thông số kỹ thuật chào giá	Các điểm không đạt kèm thuyết minh
Tên phần	STT theo phần	STT TB mời chào giá	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật		
		..	...	...	Nêu các thông số kỹ thuật của hàng hóa tương ứng với các tính năng kỹ thuật yêu cầu	- Nêu rõ các thông số không đáp ứng của hàng hóa (nếu có) kèm theo thuyết minh/ lý giải - Trường hợp có công nghệ/ giải pháp kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu chuyên môn đề nghị thuyết minh cụ thể
		..	...	...		
		..	...	...		

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 180 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm...*[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các trang thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹⁹⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 21.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi Tên trang thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Tên hàng hóa” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên thương mại của trang thiết bị y tế tương ứng với chủng loại trang thiết bị y tế ghi tại cột “Tên hàng hóa”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể ký hiệu, mã hiệu, model của trang thiết bị y tế tương ứng với chủng loại trang thiết bị y tế ghi tại cột “Tên hàng hóa”.

(5) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng trang thiết bị y tế.

(6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể hãng sản xuất của trang thiết bị y tế tương ứng với chủng loại trang thiết bị y tế ghi tại cột “Tên hàng hóa”.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể xuất xứ của trang thiết bị y tế

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể quy cách của trang thiết bị y tế

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn vị tính của trang thiết bị y tế

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng trang thiết bị y tế hoặc toàn bộ trang thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(12) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tỷ lệ thuế giá trị gia tăng (%) (nếu có) cho từng trang thiết bị y tế

(13) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị đơn giá của từng trang thiết bị y tế (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

(14) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng trang thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng trang thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(15) Công ty liệt kê (các) tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo, tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa (ưu tiên liệt kê tiêu chuẩn cao trước, thấp hơn sau) ví dụ như: FDA/PMDA/CE/ARTG/ISO13485/ hoặc tương đương, ...; trường hợp có các tiêu chuẩn đặc thù thể hiện chất lượng tốt hơn thì liệt kê kèm theo (các) tài liệu chứng minh; Việc này rất quan trọng trong đánh giá chất lượng hàng hóa chào giá và xác định giá dự toán.

(16) Công ty điền đơn giá trúng thầu gần nhất trong vòng 360 ngày (nếu có) của (các) trang trang thiết bị y tế tương tự đã chào giá cho Bệnh viện.

(17) Công ty điền loại văn bản; số văn bản; ngày văn bản và tên cơ sở y tế ban hành văn bản

VD: Hợp đồng số 12/HD-XX ngày 01/03/2023 ký với Bệnh viện...../ Quyết định phê duyệt kết quả thầu số 11/QĐ-BV.... ngày 15/03/2023 của Bệnh viện.....

(18) Công ty **ĐIỀN** một trong các trường hợp sau:

TH1: Có QR/Barcode trên từng sản phẩm

TH2: Chỉ có QR/Barcode trên hộp chứa nhiều sản phẩm

TH3: Không có QR/Barcode

Lưu ý QR/Barcode là mã định danh hàng hóa, không phải mã để vào xem trang web giới thiệu sản phẩm, trang youtube giới thiệu công ty

(19) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

PHỤ LỤC 03

Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các trang thiết bị y tế

(Kèm theo Thông báo số 1842/TB-BVĐHYHN ngày 25 tháng 7 năm 2024)

H
H
A
U



STT theo TBMCG	Tên hàng hóa	Tên phần	STT theo phần	Thông số kỹ thuật điều chỉnh	Số lượng đầu thầu 36 tháng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo
1	Áo mổ dùng một lần cỡ L	Phần 1	P1.1	Chất liệu: Vải không dệt y tế 6 lớp SMMMMS 47 → 50 gsm không thấm nước, chống thấm côn, chống tĩnh điện, có hiệu suất lọc vi khuẩn >=97% có báo cáo trong phòng thí nghiệm, đạt tiêu chuẩn AAMI mức độ 3. Quy cách đóng gói, bao gồm: 1. Áo phẫu thuật cao cấp size L kích thước: (trong khoảng từ 130cm x 150cm đến 135cm x 155cm) x 01 cái - Có dây cố định cổ tay áo bằng vải mềm mại - Có đánh dấu hướng mở áo - Cổ áo được cố định bằng miếng dán ≥10x3cm chắc chắn - Có dây ngón tay, có thể giấy kèm theo dây buộc áo đảm bảo tính vô trùng trong quá trình mặc áo, tránh tác động của bên ngoài gây nhiễm khuẩn chéo 2. Khăn thấm kích thước: 35cm x 40cm x 02 cái bằng vải Spunlace 3. Vải gói kích thước: 60cm x 60cm x 01 cái làm từ chất liệu vải không dệt nêu trên. - Tiết trùng	150.000	Cái	FDA (Mỹ) hoặc PMDA (Nhật Bản) hoặc CE hoặc ARTG (Úc)
2	Áo mổ dùng một lần cỡ M	Phần 1	P1.2	Chất liệu: Vải không dệt y tế 6 lớp SMMMMS 47 → 50 gsm không thấm nước, chống thấm côn, chống tĩnh điện, có hiệu suất lọc vi khuẩn >=97% có báo cáo trong phòng thí nghiệm, đạt tiêu chuẩn AAMI mức độ 3. Quy cách đóng gói, bao gồm: 1. Áo phẫu thuật cao cấp size M kích thước: (trong khoảng từ 120cm x 135cm đến 125cm x 140cm) x 01 cái - Có dây cố định cổ tay áo bằng vải mềm mại - Có đánh dấu hướng mở áo - Cổ áo được cố định bằng miếng dán ≥10x3cm chắc chắn - Có dây ngón tay, có thể giấy kèm theo dây buộc áo đảm bảo tính vô trùng trong quá trình mặc áo, tránh tác động của bên ngoài gây nhiễm khuẩn chéo 2. Khăn thấm kích thước: 35cm x 40cm x 02 cái bằng vải Spunlace 3. Vải gói kích thước: 60cm x 60cm x 01 cái làm từ chất liệu vải không dệt nêu trên. - Tiết trùng	9.000	Cái	FDA (Mỹ) hoặc PMDA (Nhật Bản) hoặc CE hoặc ARTG (Úc)
3	Bộ khăn chụp động mạch vành 3 lỗ	Phần 2	P2.1	- Vải không dệt y tế 6 lớp SMMMMS 47 → 50 gsm không thấm nước, chống thấm côn, chống tĩnh điện, có hiệu suất lọc vi khuẩn >=97% có báo cáo trong phòng thí nghiệm, đạt tiêu chuẩn AAMI mức độ 3. Bộ khăn bao gồm: 1. Khăn chụp mạch vành 3 lỗ gồm 2 lỗ đùi và 1 lỗ tay: 240cm x 370cm x 01 cái 2. Bao kính chắn chì có may thun ở miệng: 100cm x 120cm x 01 cái 3. Bao dụng remote: 10cm x 26cm x 01 cái: Túi Zipper 4. Khăn thấm: 35cm x 40cm x 02 cái: Vải Spunlace, mềm mại, thấm hút tốt 5. Khăn trải bàn dụng cụ 2 lớp: 140cm x 200cm x 01 cái, được cấu tạo từ hai lớp: Lớp plastic màu và lớp vải không dệt 5 lớp. Cả hai lớp đều không thấm nước đảm bảo đúng nguyên tắc phòng mổ 6. Bao chụp đầu đèn 60cm x 01 cái: Màng Film PE trong, với dây thun co giãn ở miệng - Tiết trùng	24.450	Bộ	FDA (Mỹ) hoặc PMDA (Nhật Bản) hoặc CE hoặc ARTG (Úc)
4	Bộ khăn mổ tim hở người lớn	Phần 2	P2.2	- Vải không dệt y tế 6 lớp SMMMMS 47 → 50 gsm không thấm nước, chống thấm côn, chống tĩnh điện, có hiệu suất lọc vi khuẩn >=97% có báo cáo trong phòng thí nghiệm, đạt tiêu chuẩn AAMI mức độ 3. Bộ khăn bao gồm: - Khăn trải bàn dụng cụ 2 lớp: 140cm x 200cm x 02 cái - Khăn thấm: 35cm x 40cm x 10 cái: Vải Spunlace - Khăn phủ vùng sinh dục: 20cm x 35cm x 01 cái - Khăn có kéo: 100cm x 120cm x 05 cái - Khăn phủ đầu bằng màng PE trong suốt để quan sát: 150cm x 230cm x 01 cái - Khăn phủ chân: 200cm x 280cm x 1 cái - Khăn phủ bên: 100cm x 140cm x 02 cái - Khăn phủ dụng cụ Film: 150cm x 160cm x 02 cái - Khăn không keo thấm: 30cm x 35cm x 02 cái - Túi dụng cụ: 35cm x 40cm x 03 cái - Túi kim chỉ: 18cm x 20cm x 01 cái - Băng keo OP: 10cm x 50cm x 04 cái - Khăn trải bàn dụng cụ 2 lớp: 140cm x 200cm x 01 cái - Tiết trùng	1.440	Bộ	FDA (Mỹ) hoặc PMDA (Nhật Bản) hoặc CE hoặc ARTG (Úc)

STT theo TBMCG	Tên hàng hóa	Tên phần	STT theo phần	Thông số kỹ thuật điều chỉnh	Số lượng đầu thầu 36 tháng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo
5	Bộ khăn phẫu thuật cột sống	Phần 2	P2.3	- Vải không dệt y tế 6 lớp SMMMMS 47 → 50 gsm không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, có hiệu suất lọc vi khuẩn $\geq 97\%$ có báo cáo trong phòng thí nghiệm, đạt tiêu chuẩn AAMI mức độ 3. - Khăn phủ bàn dụng cụ 2 lớp: 200cm x 200cm x 01 cái - Khăn thấm: 35cm x 40cm x 02 cái : Vải Spunlace - Băng keo OP: 10cm x 50cm x 01 cái - Khăn có keo: 40cm x 65cm x 01 cái - Bao chụp đầu đèn Ø65cm x 01 cái: Màng Film PE trong - Bao kính chắn chỉ 110cm x 130cm x 02 cái - Túi dụng cụ mỗi bên túi 20cm x 20cm x 01 cái - Khăn phẫu thuật cột sống: 200/254cm x 313cm x 01 cái (Kích thước lỗ/khung phẫu thuật cột sống kích thước 10cm x 30cm) - Tiệt trùng	3.720	Bộ	FDA (Mỹ) hoặc PMDA (Nhật Bản) hoặc CE hoặc ARTG (Úc)
6	Bộ khăn phẫu thuật nội soi khớp gối	Phần 2	P2.4	- Vải không dệt y tế 6 lớp SMMMMS 47 → 50 gsm không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, có hiệu suất lọc vi khuẩn $\geq 97\%$ có báo cáo trong phòng thí nghiệm, đạt tiêu chuẩn AAMI mức độ 3. - Bộ khăn bao gồm: - Khăn trải bàn dụng cụ 2 lớp: 165cm x 200cm x 01 cái - Khăn nội soi khớp gối D 2 lỗ 180cm x 310cm x 01 cái. Vùng phẫu trường với lỗ tròn d=6cm, co giãn, dẻo, ôm khít chân bệnh nhân, túi chứa dịch 2 lỗ với co nối - Bao phủ chi: 60cm x 90cm x 01 cái - Băng keo OP: 10cm x 50cm x 02 cái - Khăn thấm: 35cm x 40cm x 02 cái : Vải Spunlace - Khăn chữ U dùng để trải lớp dưới: 160cm x 230cm x 01 cái - Tiệt trùng	4.740	Bộ	FDA (Mỹ) hoặc PMDA (Nhật Bản) hoặc CE hoặc ARTG (Úc)
7	Bộ khăn phẫu thuật tổng quát	Phần 2	P2.5	- Vải không dệt y tế 6 lớp SMMMMS 47 → 50 gsm không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, có hiệu suất lọc vi khuẩn $\geq 97\%$ có báo cáo trong phòng thí nghiệm, đạt tiêu chuẩn AAMI mức độ 3. - Bộ khăn bao gồm: - Khăn trải bàn dụng cụ 2 lớp: ≥ 160cm x 210cm x 01 cái - Khăn thấm: 35cm x 40cm x 04 cái: Vải Spunlace - Băng keo OP: 10cm x 50cm x 01 cái - Khăn phủ chân: 180cm x 200cm x 01 cái - Khăn phủ đầu: 160cm x 250cm x 01 cái - Khăn phủ bên: ≥ 100cm x 120cm x 02 cái - Túi dụng cụ kích thước: 35cm x 50 cm x 01 cái - Khăn có keo kích thước: 60cm x 90cm x 04 cái: - Tiệt trùng	27.000	Bộ	FDA (Mỹ) hoặc PMDA (Nhật Bản) hoặc CE hoặc ARTG (Úc)
8	Bộ khăn chỉnh hình tổng quát (thay khớp háng)	Phần 2	P2.6	- Vải không dệt y tế 6 lớp SMMMMS 47 → 50 gsm không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, có hiệu suất lọc vi khuẩn $\geq 97\%$ có báo cáo trong phòng thí nghiệm, đạt tiêu chuẩn AAMI mức độ 3. - Bộ khăn bao gồm: - Khăn trải bàn dụng cụ: 165cm x 200cm x 01 cái - Khăn trải bàn dụng cụ: 165cm x 160cm x 01 cái - Khăn thấm: 35cm x 40 cm x 06 cái: Vải Spunlace - Băng keo OP: 10cm x 50cm x 02 cái - Khăn tiếp cận: 90cm x 100cm x 01 cái - Khăn chữ U thấm: 260cm x 310cm x 01 cái - Khăn chữ U không thấm: 165cm x 240cm x 01 cái - Khăn phủ ngang: 165cm x 260cm x 01 cái - Bao chỉ dưới: 35cm x 115cm x 01 cái - Tiệt trùng	3.600	Bộ	FDA (Mỹ) hoặc PMDA (Nhật Bản) hoặc CE hoặc ARTG (Úc)
9	Bộ khăn chỉnh hình tổng quát (Thay khớp háng lõi trước)	Phần 2	P2.7	- Vải không dệt y tế 6 lớp SMMMMS 47 → 50 gsm không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, đạt tiêu chuẩn AAMI mức độ - Bộ khăn bao gồm: - Khăn trải bàn 165 x 200cm x 1 cái : Vải không dệt, màng film PE xanh - Khăn thấm 35 x 40 cm x 6 cái : Vải Spunlace - Bao phủ chi 35 x 110 cm x 2 cái : Vải không dệt - Khăn đắp phẫu thuật có keo 40 x 65 cm x 4 cái: Vải không dệt, băng keo y tế - Khăn trải bàn 165 x 160 cm x 1 cái: Vải không dệt, màng film PE xanh - Khăn có lỗ 200 x 310 cm x 1 cái: Vải không dệt - Băng keo op 10 x 50 cm x 4 cái: Vải không dệt, băng keo y tế - Tiệt trùng	180	Bộ	FDA (Mỹ) hoặc PMDA (Nhật Bản) hoặc CE hoặc ARTG (Úc)
10	Bút phẫu thuật	Phần 2	P2.8	- Loại mực có dung môi hệ cồn, màu tím. - Thời gian khô của nét viết ≤ 60 giây và không gây mẫn cảm với da - Tiệt trùng	3.000	Cái	FDA (Mỹ) hoặc PMDA (Nhật Bản) hoặc CE hoặc ARTG (Úc) hoặc ISO 13485 hoặc ISO 10993-10
11	Bao chụp đầu đèn 60cm	Phần 3	P3.1	- Bộ khăn bao gồm: 1. Bao chụp đầu đèn ø60cm x 01 cái: Màng Film PE trong - Tiệt trùng	9.000	Cái	FDA (Mỹ) hoặc PMDA (Nhật Bản) hoặc CE hoặc ARTG (Úc)

STT theo TBMCG	Tên hàng hóa	Tên phần	STT theo phần	Thông số kỹ thuật điều chỉnh	Số lượng đấu thầu 36 tháng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo
12	Gạc phẫu thuật không dệt 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp vô trùng	Phần 4	P4.1	- Kích thước: $\geq 7,5\text{cm} \times 7,5\text{cm} \times 6$ lớp Chất liệu gạc không dệt, xốp, không xơ mùn, ít bám vết thương khi vết thương khô. Tiệt trùng.	300.000	Cái	FDA (Mỹ) hoặc PMDA (Nhật Bản) hoặc CE hoặc ARTG (Úc) hoặc ISO 13458
13	Bao chỉ dùi	Phần 5	P5.1	- Bao chỉ dùi - Tương thích với máy ép lực ngắt quãng VenaFlow Elite	2.160	Đôi	FDA (Mỹ) hoặc PMDA (Nhật Bản) hoặc CE hoặc ARTG (Úc) hoặc ISO 13485

HA NỘI